

## CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

NĂM HỌC 2025-2026 VÀ DỰ KIẾN CHO 02 NĂM TIẾP THEO


( Chi bằng Nguồn vốn tự bổ xung không có vốn ngân sách )

STT	Nội Dung	Số HS	Thu Học Phí ( VND /Tháng)	Thu Khác VND/ Năm	Tổng số thu
					Học phí + Thu khác
<b>I</b>	<b>Tổng các khoản thu học văn hóa</b>				<b>633,100,000</b>
1	K17-12 A ( 2025-2026) học văn hóa	40	600,000	1,500,000	241,500,000
2	K18 11 A ( 2025-2026)	31	580,000	1,650,000	181,300,000
3	K19 10A (2025-2026)	36	580,000	1,650,000	210,300,000
<b>II</b>	<b>Tổng các khoản thu học nghề</b>				<b>1,045,200,000</b>
1	K18 11 A ( 2025-2026)	31	1,560,000		483,600,000
2	K19 10A (2025-2026)	36	1,560,000		561,600,000
	<b>TỔNG THU</b>				<b>1,678,300,000</b>
<b>III</b>	<b>Các khoản Chi trong năm</b>				<b>1,007,280,000</b>
1	<b>Chi lương giảng dạy học văn hóa</b>				<b>272,000,000</b>
	K17-10 A ( 2025-2026)	Lớp/ năm			88,000,000
	K18 11 A ( 2025-2026)	Lớp/năm			88,000,000
	K19 10 A ( 2025-2026)	Lớp/năm			96,000,000
2	<b>Chi lương giảng dạy học Nghề</b>				<b>371,280,000</b>
	K17-12 A ( 2025-2026)	Lớp/năm			135,000,000
	K18 11 A ( 2025-2026)	Lớp/năm			118,140,000
	K19 10 A ( 2025-2026)	Lớp/ năm			118,140,000
	<b>Chi Coi thi Chấm thi</b>				<b>9,000,000</b>
	K17-12 A ( 2025-2026)				3,000,000
3	K18 11 A ( 2025-2026)				3,000,000
4	K19 10 A ( 2025-2026)				3,000,000
	<b>Giấy Kiểm tra . Photocopy</b>				<b>5,000,000</b>
5	<b>Đồ dùng , giấy vệ sinh</b>				<b>20,000,000</b>
6	Nước uống 10.000 đ/hs				
7	<b>Chi cho học sinh thăm quan trải nghiệm</b>				<b>20,000,000</b>
	<b>Chi khen thưởng học sinh giỏi +Họp phụ huynh</b>				<b>10,000,000</b>
8	<b>Mua sắm cơ sở vật chất bàn ghế , điều hòa, dụng cụ</b>				<b>314,000,000</b>
9	<b>học tập</b>				
10	<b>Chi mua quần áo đồng phục</b>				<b>20,000,000</b>
	<b>Chi quản lý khác lao công bảo vệ , rác thải vv</b>				<b>240,000,000</b>
	<b>Chi điện nước</b>				<b>40,000,000</b>

Hà Nội Ngày 12 tháng 04 năm 2026

Kê Toán

  
ĐOÀN THỊ MỸ

Hiệu Trưởng  
  
LÊ THANH SƠN